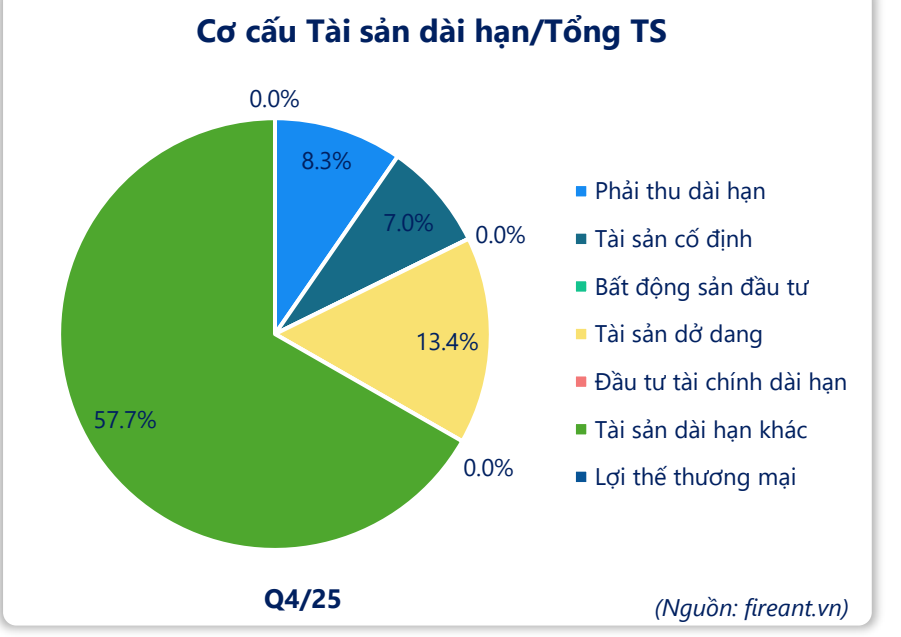
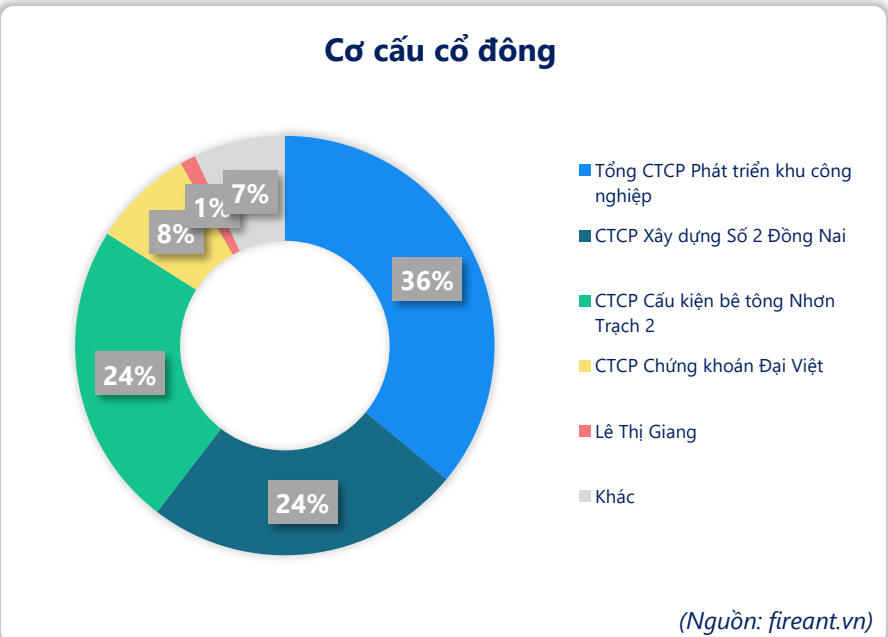
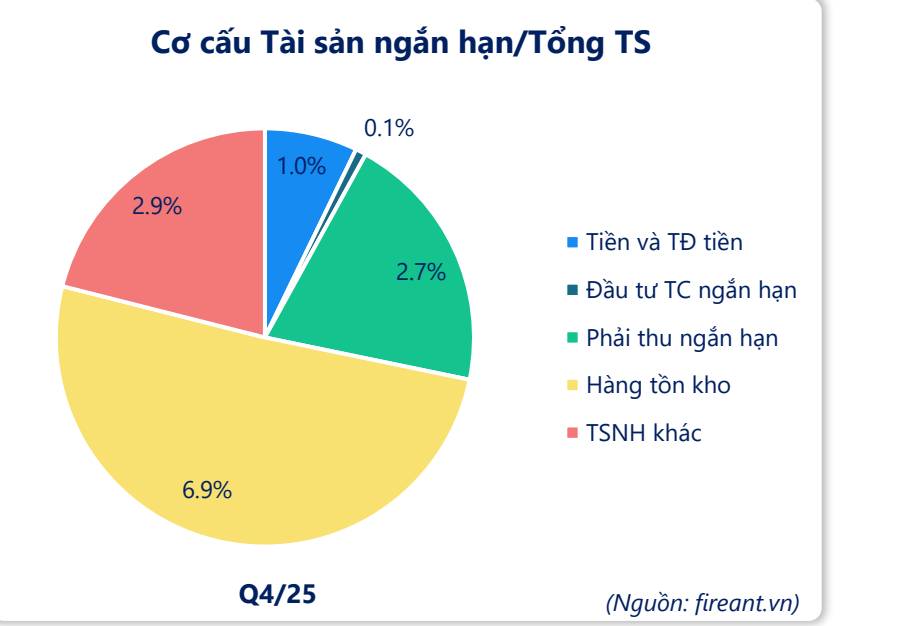
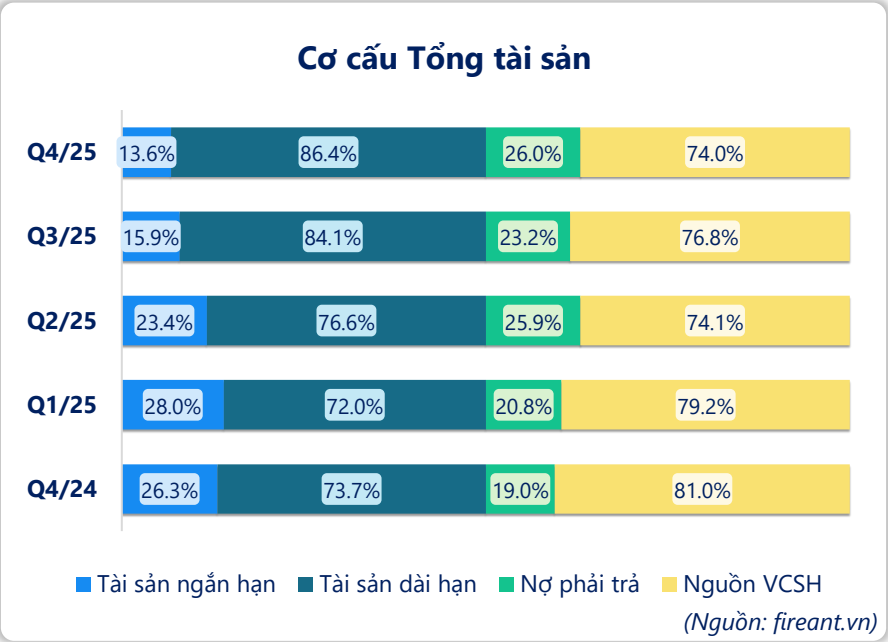
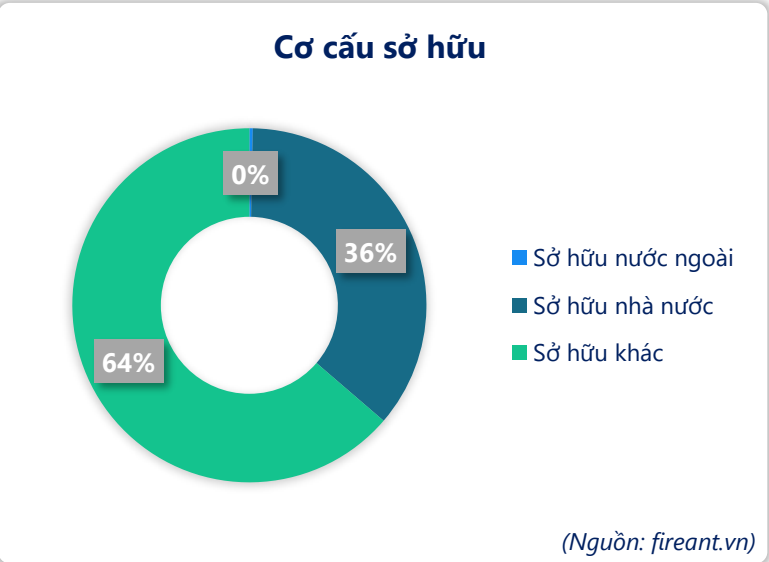
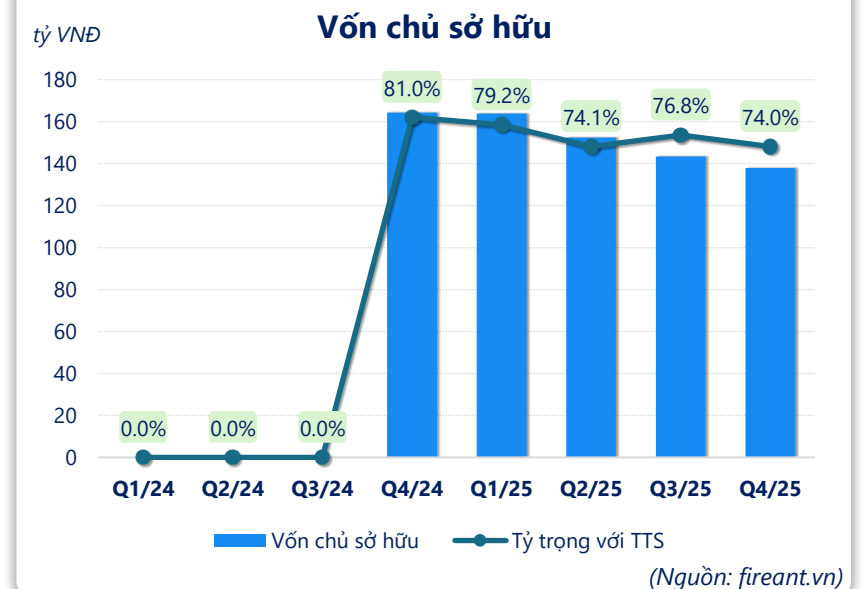
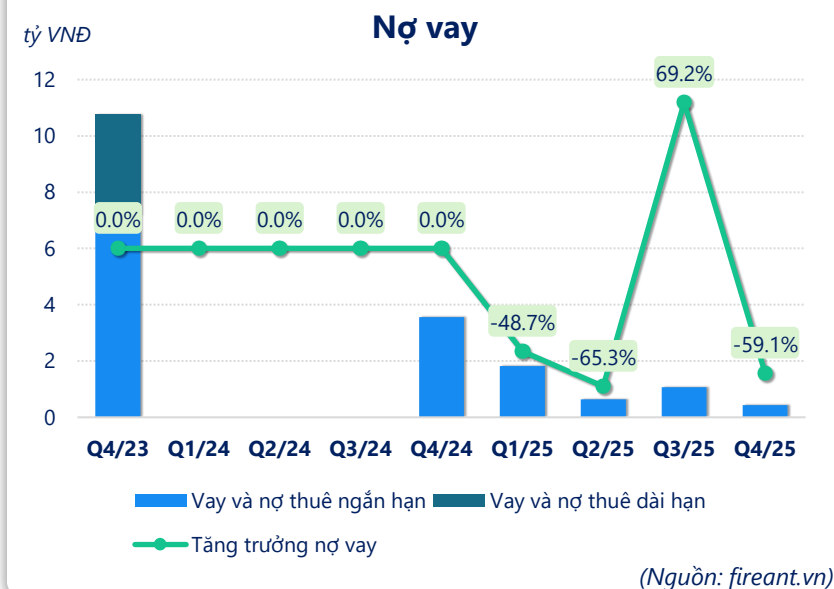
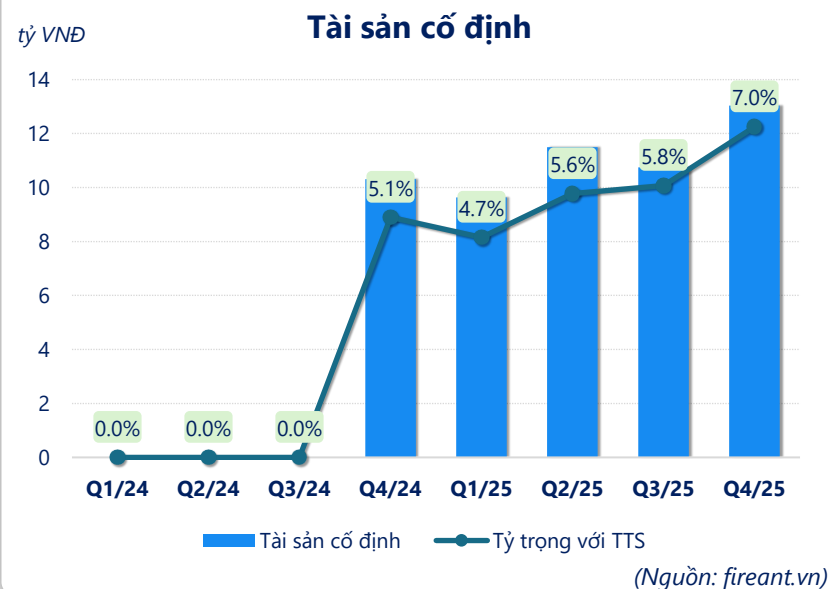
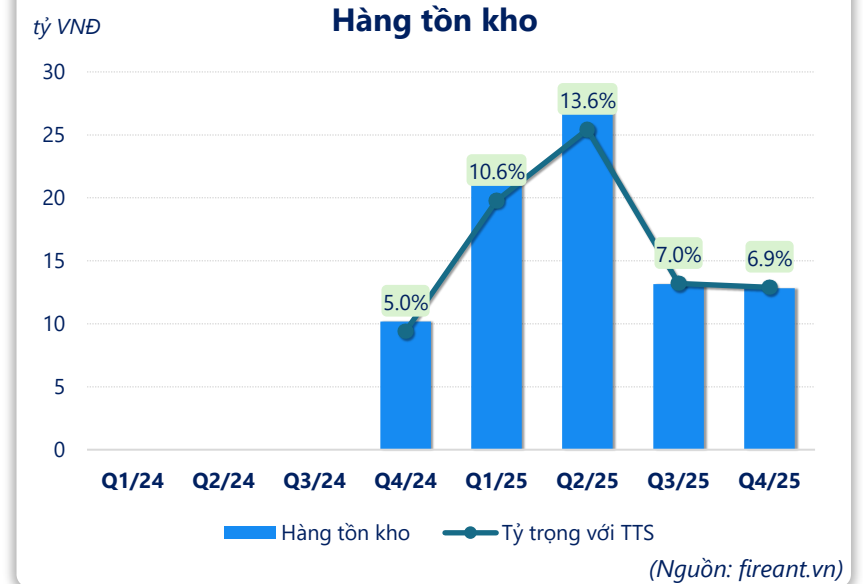
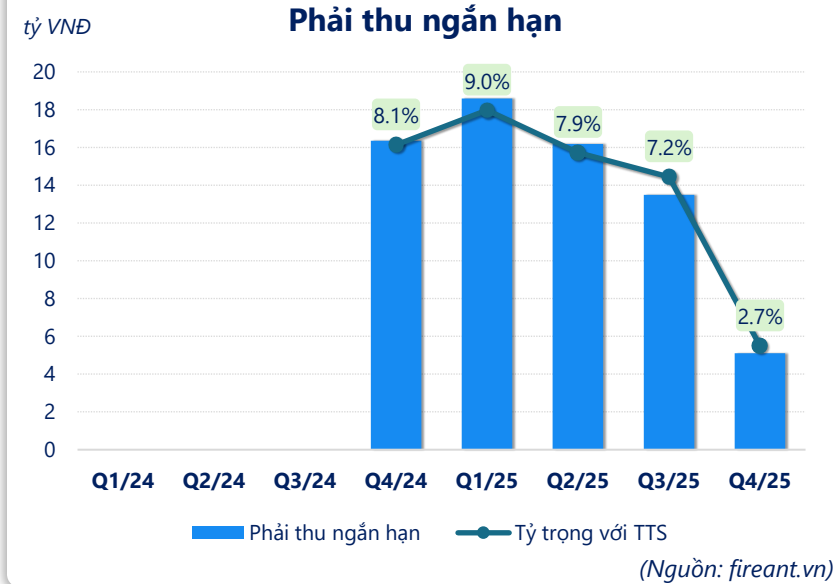
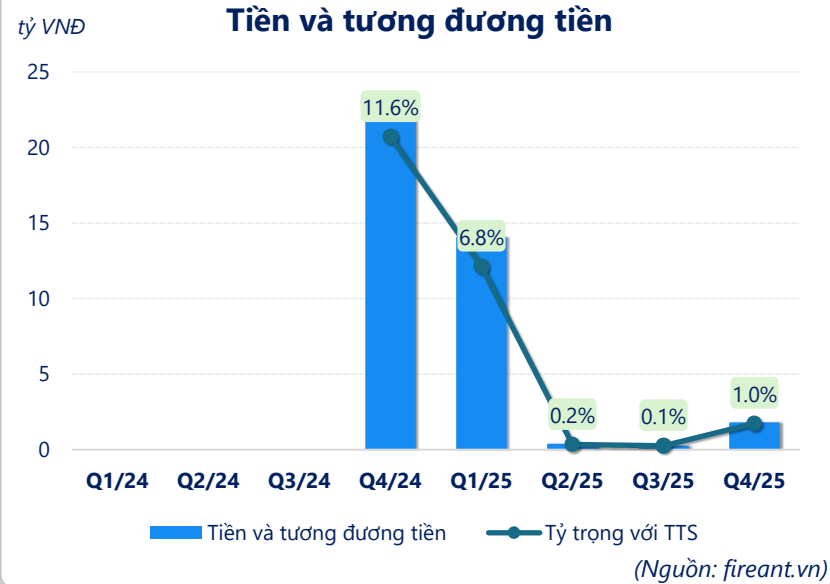
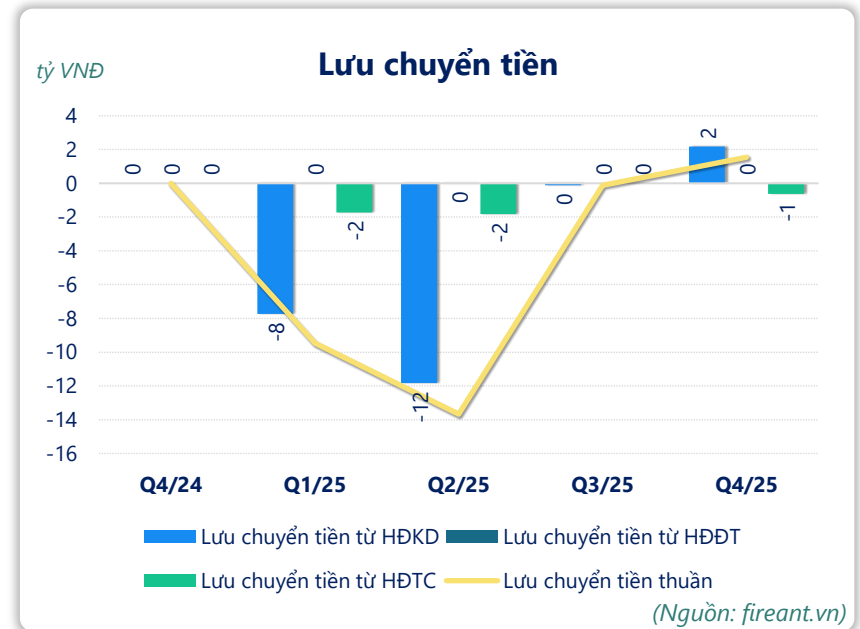
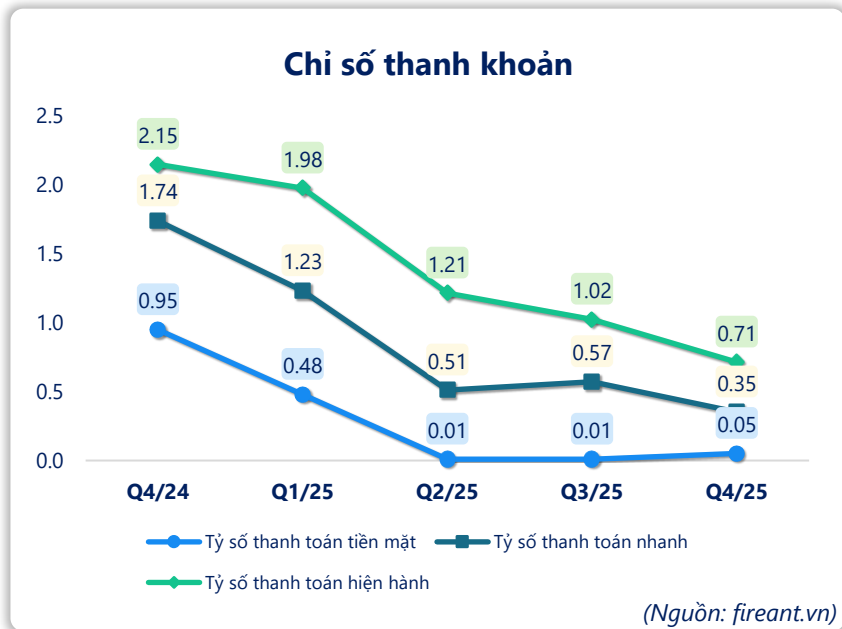
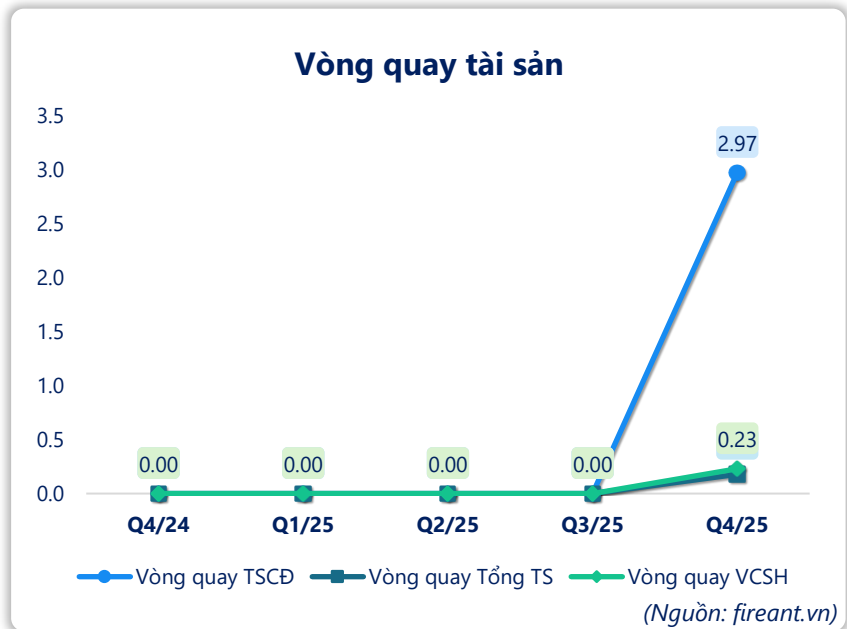
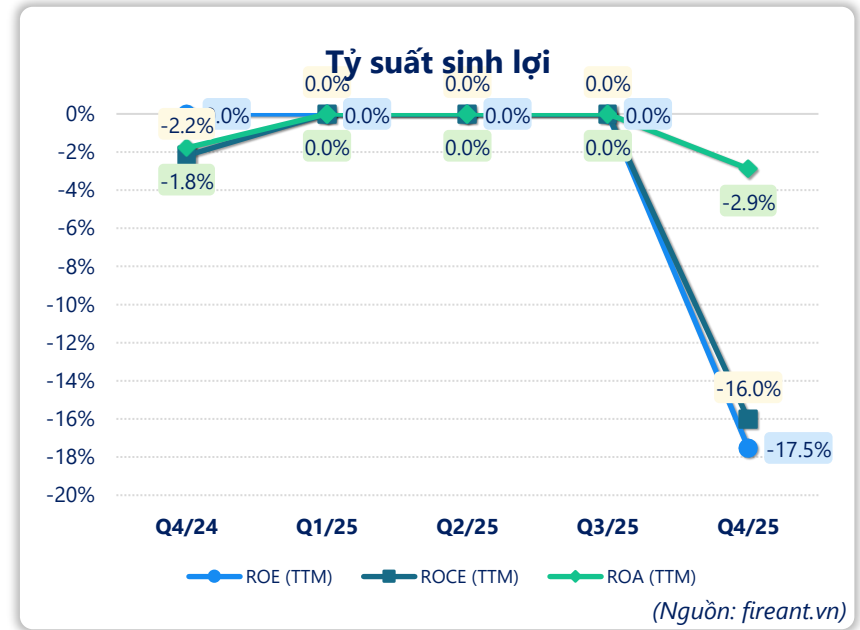
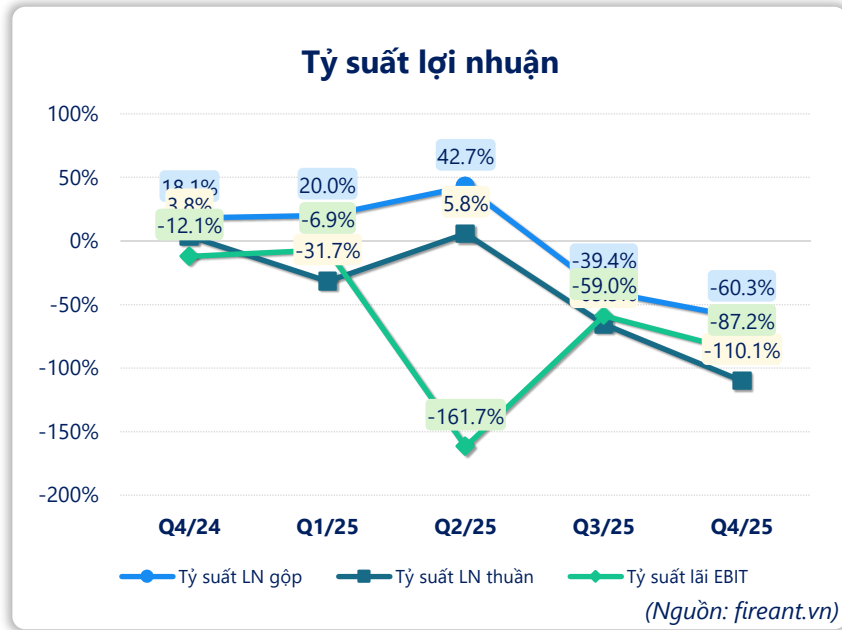
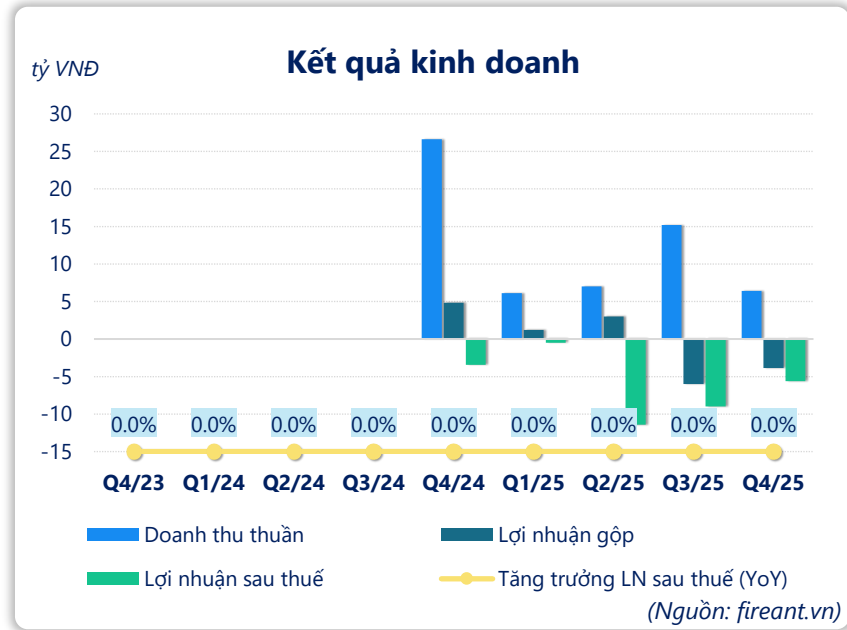


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,800
SL cổ phiếu LH		12,834,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		705
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		118
P/E		-4.5
EPS		-2,062

	YTD	1T	3T	6T
DND	-42.1%	16.5%	0.0%	-17.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	186	203	-8.2%
Tài sản ngắn hạn	25.3	53.3	-52.6%
Tiền và tương đương tiền	1.81	23.5	-92.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.21	0.20	2.9%
Phải thu ngắn hạn	5.11	16.4	-68.8%
Hàng tồn kho	12.8	10.2	25.9%
Tài sản ngắn hạn khác	5.32	3.01	76.5%
Tài sản dài hạn	161	150	7.6%
Phải thu dài hạn	15.5	13.2	17.3%
Tài sản cố định	13.0	10.3	26.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.0	22.4	12.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	107	104	3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.3	38.5	25.7%
Nợ ngắn hạn	35.4	24.8	42.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.44	3.56	-87.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.62	6.83	40.9%
Nợ dài hạn	12.9	13.7	-5.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	164	-16.1%
Vốn chủ sở hữu	138	164	-16.1%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	26.6	6.10	7.03	15.2	6.40
Giá vốn hàng bán	21.8	4.87	4.02	21.2	10.3
Lợi nhuận gộp	4.83	1.22	3.00	-5.99	-3.86
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.23	0.08	0.04	0.02	0.02
Chi phí lãi vay	0.23	0.08	0.04	0.02	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.18	0.08	0.05	0.08	0.05
Chi phí QLDN	3.42	3.01	2.50	3.85	3.12
LN thuần từ HĐKD	1.01	-1.93	0.41	-9.93	-7.04
Lợi nhuận khác	-4.46	1.43	-11.8	0.96	1.45
LN trước thuế	-3.45	-0.50	-11.4	-8.97	-5.59
Lợi nhuận sau thuế	-3.45	-0.50	-11.4	-8.97	-5.59
LNST của CĐ cty mẹ	-3.45	-0.50	-11.4	-8.97	-5.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-7.73	-11.8	-0.12	2.18
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.01	-0.02	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-1.74	-1.83	0	-0.63
Tiền đầu kỳ	0	23.5	14.1	0.39	0.27
Lưu chuyển tiền thuần	0	-9.46	-13.7	-0.12	1.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	14.1	0.39	0.27	1.81

(Nguồn: fireant.vn)